

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Căn cứ Thông báo số 1889-TB/TU ngày 19/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Kbang và Báo cáo thẩm định số 252/BCTĐ-SXD ngày 16/12/2019 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035 với nội dung như sau:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

2. Địa điểm, phạm vi, ranh giới quy hoạch:

* Địa điểm: Thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

* Phạm vi, ranh giới quy hoạch: Phạm vi bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của thị trấn Kbang với diện tích tự nhiên 2.055,06 ha. Ranh giới như sau:

- Phía Đông giáp xã Đông.

- Phía Tây giáp xã Lơ Ku.
- Phía Nam giáp xã Đông.
- Phía Bắc giáp xã Đăk Smar.

3. Tính chất, mục tiêu và quy mô quy hoạch

3.1. Tính chất đô thị:

- Là trung tâm chính trị, kinh tế, lịch sử - văn hóa, du lịch sinh thái và an ninh quốc phòng của huyện Kbang.

- Là cửa ngõ giao lưu kinh tế với các huyện phía đông tỉnh Gia Lai và các huyện lân cận thuộc tỉnh Kon Tum với trọng tâm là thương mại - dịch vụ, du lịch và công nghiệp.

3.2. Mục tiêu quy hoạch:

- Phát huy vị trí, vai trò chiến lược của thị trấn Kbang, phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, khai thác có hiệu quả mối quan hệ liên kết trong vùng tỉnh Gia Lai, đồng thời phát huy các thế mạnh về kinh tế, công nghiệp, du lịch, năng lượng, khoáng sản, nông lâm nghiệp, văn hóa, sinh thái và cảnh quan.

- Xây dựng thị trấn Kbang thành một đô thị có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ.

- Định hướng giai đoạn sau năm 2030, thị trấn đạt các tiêu chí đô thị loại IV.

- Làm cơ sở để triển khai lập các dự án, lập quy hoạch chi tiết, các chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý đô thị, đảm bảo đô thị phát triển hài hoà và bền vững.

3.3. Quy mô phát triển đô thị:

* Quy mô dân số: Năm 2019 dân số thị trấn Kbang: 17.037 người.

- Đến năm 2025, dân số thường trú thị trấn Kbang khoảng 20.000 người, dân số quy đổi khoảng 1.000 - 2.000 người.

- Đến năm 2035 dân số thường trú thị trấn Kbang khoảng 23.000 - 25.000 người, dân số quy đổi khoảng 2.000 - 3.000 người.

* Quy mô đất đai:

- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2025 là 360 ha.

- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2035 là 500 ha.

4. Các chỉ tiêu quy hoạch:

* Chỉ tiêu về sử dụng đất:

- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị : 150 - 200 m²/người.

- Chỉ tiêu đất dân dụng : 71 - 90 m²/người; trong đó:

+ Chỉ tiêu sử dụng đất ở đô thị : 50 - 62 m²/người.

+ Chỉ tiêu đất công trình công cộng: 6 - 8 m²/người.

+ Chỉ tiêu đất cây xanh : ≥ 5 m²/người.

+ Chỉ tiêu đất giao thông đô thị : 10 - 15 m²/người ($\geq 18\%$ diện tích đất xây dựng đô thị).

* Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

Bảng chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

Hạng mục	Đơn vị tính	Năm tính	
		2025 (theo chỉ tiêu đô thị loại V)	2035 (theo chỉ tiêu đô thị loại IV)
Giao thông			
Đường chính đô thị			
- Mật độ đường (tính đến đường có chiều rộng lộ giới $\geq 11,5$ m)	km/km ²	$\geq 6,5$	≥ 8
- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	≥ 18	≥ 18
- Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /ng	≥ 5	≥ 7
- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 1	≥ 3
Đường từ huyện đến xã, liên xã, đường từ xã xuống thôn	cấp	$\geq VI$ (mặt đường ≥ 3.5 m, nền đường ≥ 6.5 m)	$\geq VI$ (mặt đường ≥ 3.5 m, nền đường ≥ 6.5 m)
Cấp nước			
Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	l/người/ngày	≥ 80	100
- Tỷ lệ cấp nước	%	100	100
Thoát nước bẩn, quản lý CTR và nghĩa trang			
Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	80%	80%
Thu gom chất thải rắn			
- Tiêu chuẩn chất thải rắn phát sinh	(kg/ng. ng)	0,8	1,0
- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	≥ 85	≥ 90
Nghĩa trang	ha/10.000 người	0,6	0,6
Cấp điện			
- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	kw/ng/năm	≥ 250	≥ 500
- Tiêu chuẩn cấp điện công cộng và dịch vụ		30% sinh hoạt	30% sinh hoạt

5. Định hướng phát triển không gian đô thị:

5.1. Phân vùng phát triển

- Vùng phát triển đô thị: Chia làm 4 khu vực chính gồm: Trung tâm hành chính huyện; trung tâm thương mại - dịch vụ; trung tâm văn hoá - giáo dục; khu đô thị mới Tây sông Ba.

- Vùng phát triển nông nghiệp: Dọc hai bên bờ sông Ba và lân cận trong phạm vi hành chính thị trấn.

- Vùng phát triển du lịch:

+ Khu du lịch đồi thông phía Đông Bắc đường Hoàng Hoa Thám; các làng đồng bào Bahnar: Làng Chiêng, làng Nak (hình thức du lịch homestay);

+ Du lịch kết nối với Thác Hang Dơi, Vườn mít - Cánh đồng Cô Hầu, thủy điện Kanak, dọc bờ Tây sông Ba.

- Vùng cây xanh cảnh quan, không gian mở dọc sông Ba và các sông suối, công viên, thể dục thể thao trong đô thị.

5.2. Định hướng phát triển không gian các khu dân cư

Đến năm 2035, thị trấn Kbang sẽ hình thành các khu dân cư như sau:

* Khu dân cư số 1 (khu dân cư trung tâm):

- Quy mô: Tổng diện tích đất: 154,93ha; dân số: 8.800 người.

- Tính chất, chức năng: trung tâm hành chính cấp huyện, trung tâm thương mại cấp thị trấn, dịch vụ công cộng khu dân cư, đất ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang, đất ở xây dựng mới, công viên cây xanh, ...

* Khu dân cư số 2:

- Quy mô: Tổng diện tích đất: 91,46 ha; dân số: 6.500 người.

- Tính chất, chức năng: Trung tâm hành chính cấp thị trấn, trung tâm thương mại cấp thị trấn, dịch vụ công cộng khu dân cư, đất ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang, đất ở xây dựng mới, công viên cây xanh,...

* Khu dân cư số 3:

- Quy mô: Tổng diện tích đất: 119,68 ha; dân số: 5.900 người.

- Tính chất, chức năng: Trung tâm giáo dục cấp thị trấn, công viên văn hóa cấp huyện, dịch vụ công cộng khu dân cư, đất ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang, đất ở xây dựng mới, công viên cây xanh,...

* Khu dân cư số 4 (khu đô thị mới Tây sông Ba):

- Quy mô: Tổng diện tích đất: 134,52 ha; dân số: 3.000 người.

- Tính chất, chức năng: Dịch vụ công cộng khu dân cư, đất ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang, đất ở xây dựng mới, công viên cây xanh, ...

* Ngoài ra còn có khác khu dân cư khác hình thành theo dạng hành lang tuyến gồm: Tuyến dân cư tổ dân phố 3; Tuyến dân cư dọc đường Trường Sơn Đông (phía Bắc thị trấn); Tuyến dân cư dọc đường Lê Văn Tám (phía Đông và phía Tây thị trấn); Tuyến dân cư dọc đường Y Wùu (phía Tây Bắc thị trấn).

5.3 Định hướng các trung tâm chuyên ngành

Xác định 4 trung tâm chuyên ngành chính gồm:

- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp: Sáp nhập các đơn vị trạm khuyến nông, trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật, trạm chăn nuôi và thú y để hình thành trung tâm dịch vụ nông nghiệp.

- Trung tâm thương mại: Tại vị trí bến xe cũ, nằm trên các trục đường Phan Bội Châu, Lê Lợi, Ngô Mỹ.

- Trung tâm y tế: Nằm phía Tây sông Ba.

- Trung tâm liên hợp thể dục thể thao: Vị trí theo đồ án Quy hoạch chi tiết khu dân cư Tây sông Ba.

5.4 Định hướng đầu mối hạ tầng kỹ thuật

- Bến xe thị trấn trên đường Ngô Mỹ; các bãi đậu xe công cộng kết hợp với các khu công viên, cây xanh đô thị.

- Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước hiện hữu phía Bắc thị trấn; xây mới Nhà máy nước tại vùng thượng lưu suối Đăk Lốp, cách trung tâm thị trấn 2,5 - 3 km.

- Xây dựng mới trạm xử lý nước thải tập trung phía Nam thị trấn.

5.5 Định hướng hệ thống công viên, mảng xanh cảnh quan, không gian mở

- Quy hoạch hệ thống mảng xanh cảnh quan, không gian mở dọc sông Ba, suối Đăk Lốp, suối Đăk Nao.

- Công viên văn hóa thị trấn: nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, hội chợ, ...

- Công viên quảng trường: tổ chức các hình thức cây xanh, đường đi bộ,...

5.6. Định hướng phát triển du lịch

Mời gọi đầu tư, khai thác du lịch khu đồi thông, thác Hang Dơi, các làng đồng bào tại làng Chiềng, làng Nak.

6. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Bảng quy hoạch sử dụng đất thị trấn Kbang

Stt	Loại đất	Quy hoạch đến 2025 (20.000 người)			Quy hoạch đến 2035 (25.000 người)		
		Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	150 - 200	360,00		170 - 200	500,00	
I	ĐẤT DÂN DỤNG	86,00	189,20	100,00	83,00	207,50	100,00
1	Đất ở	60,00	132,00	69,77	50,00	125,00	60,24
2	Đất công cộng-thương mại-dịch vụ	6,00	13,20	6,98	8,00	20,00	9,64
3	Đất cây xanh + TDTT	8,00	17,60	9,30	10,00	25,00	12,05
4	Đất giao thông	12,00	26,40	13,95	15,00	37,50	18,07
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG		170,80			292,50	
1	Đất trung tâm y tế huyện		6,26			6,26	
2	Đất trụ sở Công an huyện		5,21			5,21	
3	Đất an ninh quốc phòng		3,68			3,68	
4	Đất di tích		1,26			1,26	
5	Đất giao thông đối ngoại, bãi đậu xe		25,20			25,95	
6	Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm cấp nước, XLNT, trạm điện, ...)		8,50			8,50	
7	Đất các trung tâm dịch vụ, du lịch		20,00			50,00	
8	Đất cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly kết hợp hạ tầng kỹ thuật khác, bãi đậu xe...		100,69			191,64	
B	ĐẤT KHÁC		1.695,06			1.555,06	
1	Đất khu nông nghiệp chất lượng cao		50,44			50,44	
2	Đất nông nghiệp, rừng sản xuất và đồi núi		1.556,33			1.416,33	
3	Đất sông suối, mặt nước		88,29			88,29	
	TỔNG CỘNG		2,055,06			2,055,06	

7. Các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật ngoài ranh giới quy hoạch, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển đô thị của thị trấn Kbang

- Nghĩa trang: Bố trí nghĩa trang tại xã Lơ Ku (cách thị trấn 5,0km), quy mô 12,0ha.

- Bãi xử lý rác thải: Bố trí tại xã Đông (cách thị trấn 5,0km), quy mô 8,0ha.

- Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp tại xã Đông, xã Tơ Tung, diện tích 30-50ha.

- Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung ở phía Tây thị trấn Kbang, gần đường

Trường Sơn Đông, diện tích 2 ha.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch: Nhà hàng, khách sạn, các điểm dừng chân, điểm vui chơi giải trí; xây dựng, liên kết các tour du lịch văn hóa - lịch sử - sinh thái đến các điểm du lịch trên địa bàn huyện; xây dựng các thương hiệu đặc sản của Kbang, gắn với mỗi xã một sản phẩm; các sản phẩm truyền thống...

- Đầu tư các cơ sở bảo tồn và sản xuất giống dược liệu kết hợp trồng các loại dược liệu, phát triển các vùng trồng các loại dược liệu quy mô lớn, chế biến sâu các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu...

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Giao thông

- Giao thông đối ngoại: Đường Trường Sơn Đông (đoạn trong ranh thị trấn), đường Trường Sơn Đông (đoạn ngoài ranh thị trấn), đường tỉnh 669: Từ ngã ba giao lộ đường Quang Trung với đường Hoàng Hoa Thám đến ranh phía Bắc.

* Giao thông đô thị:

- Đường chính đô thị: Gồm các tuyến giao thông chính trong đô thị kết nối với quốc lộ và đường tỉnh dẫn đến các khu công trình hành chính - công cộng - giáo dục - thương mại ... có lộ giới từ 20 m đến 34 m.

- Đường đô thị: Gồm các tuyến giao thông trong đô thị, kết nối với các đường chính đô thị dẫn đến các khu dân cư, có lộ giới 16,5 - 20 m.

Bảng tổng hợp hệ thống giao thông

Stt	Tên loại đường	Lòng đường (m)	Dãi phân cách (m)	Via hè (m)	Chỉ giới giao thông (m)
1	Mặt cắt 1 - 1	10,5 x 2	02-03	13,5 x 2	50,0
2	Mặt cắt 1' - 1'	17		16,5 x 2	50,0
3	Mặt cắt 2 - 2	10,5x2	2	5,5 x 2	34,0
4	Mặt cắt 2' - 2'	7		11,5 x 2	30,0
5	Mặt cắt 3 - 3	15		7,5 x 2	30,0
6	Mặt cắt 3' - 3'	10,5 x 2	2	3,5 x 2	30,0
7	Mặt cắt 4 - 4	10,5		5,75 x 2	22,0
8	Mặt cắt 5 - 5	10,5		4,75 x 2	20,0
9	Mặt cắt 6 - 6	10,5		3,75 x 2	18,0
10	Mặt cắt 7 - 7	10,5		3,0 x 2	16,5

Ghi chú: Đối với bề rộng vỉa hè có thể điều chỉnh để mở rộng lòng đường, tùy theo tăng năng lực lưu thông cho các phương tiện giao thông. Vỉa hè điều chỉnh giảm nhưng đảm bảo theo quy định.

* Bến, bãi đỗ xe:

- Bến xe tại đường Ngô Mây là bến xe khách và bến đỗ xe buýt, đã được xây dựng và đi vào hoạt động ổn định.

- Bãi đỗ xe tại vị trí đối diện quảng trường (cây xăng dầu), ngã 4 đường Lê Văn Tám và Hoàng Hoa Thám và các bãi đậu xe công cộng kết hợp với các khu cây xanh đô thị.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng và thoát nước mưa

- Cao độ xây dựng: Bám sát địa hình tự nhiên, cao độ san nền lớn nhất ở về phía Bắc (trên đường Quang Trung - ĐT 669), cao độ nhỏ nhất phía Nam (suối chảy ra sông Ba).

- Khu vực hạn chế xây dựng: Khu vực cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan dọc sông Ba, các suối, khu vực phía nam thị trấn; khu vực đồi núi; khu di tích; khu vực hạ du hồ thủy điện Kanak...

- Chia đô thị ra 3 lưu vực chính, tạo điều kiện thuận lợi cho thoát nước mưa, trong đó: Phía Đông đường Quang Trung chia làm 2 lưu vực; phía Tây đường Quang Trung 1 lưu vực.

- Hệ thống thu gom nước mưa được đầu tư xây dựng đồng bộ theo các tuyến giao thông.

8.3. Cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước giai đoạn 2025: $Q = 3.600 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nhu cầu dùng nước giai đoạn 2035: $Q = 4.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Giai đoạn đầu từ nay đến 2025 tiếp tục sử dụng nguồn nước của trạm cấp nước hiện hữu của thị trấn, có công suất $Q = 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Giai đoạn sau 2030 xây dựng và nâng cấp nhà máy nước, công suất $Q = 4.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$, khai thác nguồn nước suối Đắk Lốp, vị trí cách thị trấn 2,5 km về phía Đông.

- Cấp nước PCCC: Lưu lượng nước chữa cháy 30l/s. Lưu lượng nước dự trữ tối thiểu là 648 m^3 . Nguồn dự trữ nước PCCC tại nhà máy nước và tận dụng nguồn nước sông Ba, các hồ nước trên địa bàn thị trấn để phục vụ công tác PCCC.

8.4. Cấp điện

- Tổng nhu cầu dùng điện: 26,16 triệu kWh/năm.

- Tổng công suất điện: 8.721 kW.

- Nguồn cấp điện cho thị trấn là nguồn điện lưới quốc gia qua các tuyến trung thế 22kV từ trạm biến thế 110/22 kV Kbang - 1x25MVA. Điện áp chuẩn cho đô thị và các khu vực lân cận là cấp điện áp 22KV, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.

- Đối với thị trấn Kbang sử dụng mạch vòng vận hành hở, mạng truyền tải sử dụng đường dây 210/22kV, mạng phân phối sử dụng đường dây 0.4kV.

8.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

* Thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt giai đoạn 2025: $Q = 2.300 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt giai đoạn 2035: $Q = 2.900 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Tiêu chuẩn nước thải tính bằng 80% lưu lượng nước cấp sinh hoạt.

- Hệ thống thoát nước chung hiện chưa đầy đủ và mới chỉ có ở một số tuyến đường trung tâm, phương án hệ thống thoát nước thải cần có lộ trình tách riêng hoàn toàn cho phù hợp với nguồn lực đầu tư, phù hợp đặc thù khu hiện hữu và khu phát triển mới.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung phục vụ cho khu đô thị có công suất $Q = 2.900 \text{ m}^3/\text{ngày}$ vị trí ở phía Nam quy mô diện tích 1.0 ha.

* Quản lý chất thải rắn:

Toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thu gom của thị trấn sẽ được vận chuyển và đưa về xử lý tại khu xử lý rác tại thôn 6 - xã Đông với diện tích 8 ha, cách trung tâm thị trấn khoảng 5 km. Khu xử lý rác thải rắn được đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải rắn bằng công nghệ đốt rác hiện đại.

* Nghĩa trang: Sử dụng nghĩa trang nhân dân trung tâm của huyện nằm tại thôn 2, xã Lơ Ku, cách trung tâm thị trấn Kbang khoảng 5 km, quy mô khoảng 12 ha.

8.6. Thông tin liên lạc

- Tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, xây dựng và mở rộng mạng băng rộng đến các tổ dân phố, thôn, làng trên địa bàn thị trấn phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân và công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục mở rộng băng thông Internet nội hạt và liên tỉnh đáp ứng nhu cầu của xã hội, triển khai mạng thông tin di động 4G và các thế hệ tiếp theo.

- Phát triển các điểm truy cập công cộng tại các địa điểm thích hợp với từng địa bàn. Thực hiện cáp quang hóa và ngầm hóa các đường cáp để bảo đảm chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị, đặc biệt là dọc các tuyến đường, phố chính tại các khu vực trung tâm thị trấn.

Điều 2. Giao cho UBND huyện Kbang phối hợp với các cơ quan liên quan công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Kbang và thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Đ/c CVP, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu VT-TTTH-KTTH-CN XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH




Võ Ngọc Thành